

CHUYÊN ĐỀ: VỊ TRÍ ĐỊA LÍ – LÃNH THỔ

CHUYÊN ĐỀ: BÀI 2, 14, 15

BÀI 2: VỊ TRÍ ĐỊA LÍ – LÃNH THỔ (THÔNG HIỂU)

Câu 1: Vị trí địa lí nước ta tạo điều kiện thuận lợi cho việc :

- A. Phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới.
- B. Mở rộng quan hệ hợp tác với các nước trong khu vực Đông Nam Á và thế giới.
- C. Phát triển các ngành kinh tế biển.
- D. Tất cả các thuận lợi trên.

Câu 2: Xét về góc độ kinh tế, vị trí địa lí của nước ta

- A. Thuận lợi cho việc trao đổi, hợp tác, giao lưu với các nước trong khu vực và thế giới.
- B. Thuận lợi cho phát triển các ngành kinh tế, các vùng lãnh thổ; tạo điều kiện thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập với các nước và thu hút đầu tư của nước ngoài.
- C. Thuận lợi trong việc hợp tác sử dụng tổng hợp các nguồn lợi của Biển Đông, thềm lục địa và sông Mê Công với các nước có liên quan.
- D. Thuận lợi cho việc hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kĩ thuật với các nước trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Câu 3: Nội thủy là:

- A. Vùng có chiều rộng 12 hải lí.
- B. Vùng tiếp liền với lãnh hải và hợp với lãnh hải thành vùng biển rộng 200 hải lí.
- C. Vùng nước tiếp giáp với đất liền, ở phía trong đường cơ sở.
- D. Vùng nước ở phía ngoài đường cơ sở với chiều rộng 12 hải lí.

Câu 4: Vùng biển mà tại đó Nhà nước ta có chủ quyền hoàn toàn về kinh tế, nhưng vẫn để cho các nước khác được đặt ống dẫn dầu, dây cáp ngầm và tàu thuyền, máy bay nước ngoài được tự do về hàng hải và hàng không như công ước quốc tế quy định, được gọi là:

- A. Lãnh hải.
- B. Nội thủy.
- C. Vùng đặc quyền về kinh tế.
- D. Vùng tiếp giáp lãnh hải.

Câu 5: Đặc điểm của thiên nhiên nhiệt đới - ẩm - gió mùa của nước ta là do :

- A. Vị trí địa lí và hình dáng lãnh thổ quy định.
- B. Ảnh hưởng của các luồng gió thổi theo mùa từ phương bắc xuống và từ phía nam lên.
- C. Sự phân hóa phức tạp của địa hình vùng núi, trung du và đồng bằng ven biển.
- D. Ảnh hưởng của Biển Đông cùng với các bức chắn địa hình.

Câu 6: Ở nước ta, loại tài nguyên có triển vọng khai thác lớn nhưng chưa được chú ý đúng mức :

- A. Tài nguyên đất.
- B. Tài nguyên biển.
- C. Tài nguyên rừng.
- D. Tài nguyên khoáng sản.

Câu 7: Biển Đông là vùng biển lớn nằm ở phía :

- A. Nam Trung Quốc và Đông Bắc Đài Loan.
- B. Phía đông Phi-líp-pin và phía tây của Việt Nam.
- C. Phía đông Việt Nam và tây Phi-líp-pin.
- D. Phía bắc của Xin-ga-po và phía nam Ma-lai-xi-a.

Câu 8: Vấn đề chủ quyền biên giới quốc gia trên đất liền, Việt Nam cần tiếp tục đàm phán với :

- A. Trung Quốc và Lào.
- B. Lào và Cam-pu-chia.
- C. Cam-pu-chia và Trung Quốc.
- D. Trung Quốc, Lào và Cam-pu-chia

Câu 9: Thế mạnh của vị trí địa lí nước ta trong khu vực Đông Nam Á sẽ được phát huy cao độ nếu biết kết hợp xây dựng các loại hình giao thông vận tải :

- A. Đường ô tô và đường sắt.
- B. Đường biển và đường sắt.
- C. Đường hàng không và đường biển.
- D. Đường ô tô và đường biển.

Câu 10: Trên đất liền, điểm cực Bắc của nước ta ở vĩ độ:

- A. 23 độ 26'B
- B. 23 độ 25'B.
- C. 23 độ 24'B.
- D. 23 độ 23'B.

Câu 11: Việt Nam nằm trong múi giờ số:

- A. 6.
- B. 7.
- C. 8.
- D. 9.

Câu 12: Điểm cực Bắc phần đất liền nước ta ở vĩ độ 23° 22' B tại xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, thuộc tỉnh

- A. Lào Cai
- B. Cao Bằng

C. Hà Giang

D. Lạng Sơn

Câu 13: Điểm cực Nam phần đất liền nước ta ở vĩ độ 8°34'B tại xã Đất Mũi, huyện, Ngọc Hiển, tỉnh

A. Kiên Giang

B. Cà Mau

C. An Giang

D. Bạc Liêu

Câu 14: Điểm cực Tây phần đất liền ở kinh độ 102° 09'Đ tại xã Sín Thầu, huyện Mường Nhé, thuộc tỉnh

A. Lai Châu

B. Điện Biên

C. Sơn La

D. Hòa Bình

Câu 15: Điểm cực Đông phần đất liền ở kinh độ 102°24'Đ tại xã Vạn Thạch, huyện Vạn Ninh, thuộc tỉnh

A. Quảng Ninh

B. Bình Định

C. Phú Yên

D. Khánh Hòa

Câu 16: Tổng diện tích vùng đất của nước ta là:

A. 331 211 km²

B. 331 212 km²

C. 331 213 km²

D. 331 214 km²

Câu 17: Cửa khẩu nào sau đây nằm trên biên giới Việt Nam - Lào?

A. Móng Cái.

B. Lao Bảo.

C. Hữu Nghị.

D. Đồng Đăng.

Câu 18: Nước ta có hơn 4600 km đường biên giới trên đất liền, giáp với các nước

A. Trung Quốc, Mianma, Lào

B. Trung Quốc, Lào, Campuchia

C. Trung Quốc, Lào, Thái Lan

D. Trung Quốc, Lào, Campuchia, Thái Lan

Câu 19: Đường biên giới dài nhất trên đất liền nước ta là với

A. Lào

- B. Trung Quốc
- C. Campuchia
- D. Thái Lan

Câu 20: Cửa khẩu nào sau đây nằm trên đường biên giới Việt - Trung?

- A. Cầu Treo.
- B. Vĩnh Xương.
- C. Lào Cai.
- D. Mộc Bài.

ĐÁP ÁN

1D	2B	3C	4C	5A	6B	7C	8D	9C	10D
11B	12C	13B	14B	15D	16B	17B	18B	19A	20C

BÀI 14: SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN (NHẬN BIẾT)

Câu 1: Mặc dù tổng diện tích rừng đang được phục hồi, nhưng tài nguyên rừng vẫn bị suy thoái vì

- A. nạn phá rừng vẫn gia tăng.
- B. việc trồng rừng không bù đắp được việc rừng bị phá hoại.
- C. chất lượng rừng chưa thể phục hồi.
- D. cháy rừng những năm gần đây xảy ra trên qui mô lớn.

Câu 2: Đây là một biện pháp quan trọng nhằm bảo vệ rừng đặc dụng.

- A. Gây trồng rừng trên đất trống đồi trọc.
- B. Bảo vệ cảnh quan đa dạng sinh học ở các vườn quốc gia.
- C. Đảm bảo duy trì phát triển diện tích và chất lượng rừng.
- D. Có kế hoạch, biện pháp bảo vệ nuôi dưỡng rừng hiện có.

Câu 3: Nhận định đúng nhất về tài nguyên rừng của nước ta hiện nay là :

- A. Tài nguyên rừng đang tiếp tục bị suy giảm cả về số lượng lẫn chất lượng.
- B. Dù tổng diện tích rừng đang được phục hồi nhưng chất lượng vẫn tiếp tục suy giảm.
- C. Tài nguyên rừng của nước ta đang được phục hồi cả về số lượng lẫn chất lượng.
- D. Chất lượng rừng đã được phục hồi nhưng diện tích rừng đang giảm sút nhanh.

Câu 4: Nội dung chủ yếu của chiến lược quốc gia về bảo vệ tài nguyên và môi trường là :

- A. Đảm bảo chất lượng môi trường phù hợp với yêu cầu đời sống con người.
- B. Đảm bảo việc bảo vệ tài nguyên môi trường đi đôi với sự phát triển bền vững.
- C. Cân bằng giữa phát triển dân số với khả năng sử dụng hợp lí các nguồn tài nguyên.

D. Phòng, chống, khắc phục sự suy giảm môi trường, đảm bảo cho sự phát triển bền vững.

Câu 5: Diện tích rừng hiện nay có tăng, nhưng hiện tại phần lớn rừng ở nước ta là

A. rừng giàu.

B. rừng trung bình.

C. rừng nghèo.

D. rừng non mới phục hồi và rừng mới trồng.

Câu 6: Để đảm bảo vai trò của rừng đối với việc bảo vệ môi trường, theo quy hoạch chúng ta phải đảm bảo

A. Độ che phủ rừng cả nước là 20 – 30%, vùng núi thấp phải đạt 40 – 50%

B. Độ che phủ rừng cả nước là 30 – 40%, vùng núi thấp phải đạt 50 – 60%

C. Độ che phủ rừng cả nước là 40 – 45%, vùng núi thấp phải đạt 60 – 70%

D. Độ che phủ rừng cả nước là 45 – 50%, vùng núi thấp phải đạt 70 – 80%

Câu 7: Khu vực có diện tích rừng che phủ thấp nhất nước ta hiện nay là

A. Tây Bắc

B. Đông Bắc.

C. Bắc Trung Bộ.

D. Tây Nguyên.

Câu 8: Vùng được gọi là “kho vàng xanh của nước ta”

A. Tây Bắc

B. Bắc Trung Bộ

C. Đông Bắc

D. Tây Nguyên.

Câu 9: Loại rừng có vai trò quan trọng nhất trong việc bảo vệ đất của cả vùng đồng bằng là

A. rừng phòng hộ ven biển.

B. rừng nhân tạo.

C. rừng ngập mặn.

D. rừng đầu nguồn.

Câu 10: Loại rừng cần phải đảm bảo duy trì phát triển diện tích và chất lượng rừng, duy trì và phát triển hoàn cảnh rừng, độ phì và chất lượng đất rừng:

A. rừng sản xuất.

B. rừng phòng hộ.

C. rừng giàu.

D. rừng trung bình.

Câu 11: Tính đa dạng sinh học cao không thể hiện ở:

A. số lượng thành phần loài

- B. các kiểu hệ sinh thái
- C. nguồn gen quý hiếm
- D. sự phân bố sinh vật.

Câu 12: Vùng tập trung nhiều diện tích rừng đầu nguồn và cũng là vùng có tài nguyên rừng bị suy giảm nhiều nhất ở nước ta

- A. Đông Bắc.
- B. Tây Nguyên.
- C. Tây Bắc.
- D. Đông Nam Bộ.

Câu 13: cho bảng Diện tích rừng và độ che phủ ở nước ta qua một số năm (đơn vị triệu ha)

Năm	Tổng diện tích có rừng	Diện tích rừng tự nhiên	Diện tích rừng trồng	Độ che phủ
1943	14,3	14,3	0	43,0
1983	7,2	6,8	0,4	22,0
2005	12,7	10,2	2,5	38,0
2015	13,5	10,2	3,3	40,9

Chọn dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện diện tích rừng và độ che phủ ở nước ta qua một số năm trên

- A. Biểu đồ cột chồng
- B. Biểu đồ cột ghép
- C. Biểu đồ kết hợp cột chồng và đường
- D. Biểu đồ đường

Câu 14: Khu bảo tồn thiên nhiên Cần Giờ thuộc :

- A. Thành phố Hải Phòng.
- B. Thành phố Hồ Chí Minh.
- C. Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- D. Tỉnh Cà Mau.

Câu 15: Để đảm bảo vai trò của rừng trong việc giữ cân bằng môi trường, hiện nay ở nước ta, thì độ che phủ rừng phải đạt.

- A. 30 – 35%
- B. 35 – 40%
- C. 45 – 50%
- D. 55 – 60%

Câu 16: Để đảm bảo vai trò của rừng trong việc giữ vai trò cân bằng môi trường, hiện nay ở vùng núi có độ dốc nước ta, thì độ che phủ rừng phải đạt

- A. 40 – 50%
- B. 50 – 60%
- C. 60 – 70%
- D. 70 – 80%

Câu 17: Ba loại rừng nào được sự quản lí của nhà nước về quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển, sử dụng?

- A. Rừng giàu, rừng phòng hộ, rừng đặc trưng.
- B. Rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất.
- C. Rừng đặc dụng, rừng sản xuất, rừng giàu.
- D. Rừng sản xuất, rừng giàu, rừng phòng hộ.

Câu 18: Trong những năm qua, tổng diện tích rừng nước ta đang tăng dần lên nhưng:

- A. Diện tích rừng tự nhiên vẫn giảm
- B. Diện tích rừng trồng vẫn không tăng
- C. Độ che phủ rừng vẫn giảm
- D. Tài nguyên rừng vẫn bị suy thoái

Câu 19: Tổng diện tích đất trồng rừng của nước ta, chiếm tỉ lệ lớn nhất là

- A. Rừng giàu
- B. Rừng nghèo và rừng phục hồi
- C. Rừng trồng chưa khai thác được
- D. Đất trồng, đồi núi trọc

Câu 20: Một trong những nguyên tắc quản lí, sử dụng và phát triển rừng phòng hộ là:

- A. Bảo vệ cảnh quan, đa dạng sinh vật của các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên
- B. Đảm bảo duy trì phát triển diện tích rừng và chất lượng
- C. Trồng rừng trên đất trọc, đồi núi trọc
- D. Duy trì và phát triển hoàn cảnh rừng, độ phì và chất lượng rừng

ĐÁP ÁN

1C	2B	3B	4B	5D	6D	7B	8D	9A	10A
11D	12C	13C	14D	15C	16D	17B	18D	19B	20C

BÀI 15: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI (NHẬN BIẾT)

Câu 1: Đồng bằng Duyên hải miền Trung ít bị ngập úng hơn Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long vì :

- A. Lượng mưa ở Duyên hải miền Trung thấp hơn.
- B. Lượng mưa lớn nhưng rải ra trong nhiều tháng nên mưa nhỏ hơn.
- C. Do địa hình dốc ra biển lại không có đê nên dễ thoát nước.
- D. Mật độ dân cư thấp hơn, ít có những công trình xây dựng lớn.

Câu 2: Vùng chịu ảnh hưởng mạnh của gió Tây khô nóng là :

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- B. Bắc Trung Bộ.
- C. Tây Nguyên.
- D. Tây Bắc.

Câu 3: Hai vấn đề lớn nhất trong bảo vệ môi trường ở nước ta là

- A. Suy giảm tài nguyên rừng và suy giảm tài nguyên đất
- B. Suy giảm đa dạng sinh vật và suy giảm tài nguyên nước
- C. Suy giảm tài nguyên rừng và suy giảm đa dạng sinh vật
- D. Mất cân bằng sinh thái môi trường và ô nhiễm môi trường

Câu 4: Nhìn chung trên toàn quốc, mùa bão nằm trong khoảng thời gian nào

- A. Từ tháng III đến tháng X
- B. Từ tháng VI đến Tháng XI
- C. Từ tháng V đến tháng XII
- D. Từ tháng V đến tháng V

Câu 5: Bão ở Việt Nam có đặc điểm nào dưới đây?

- A. Mùa bão chậm dần từ bắc vào nam
- B. Bão đổ bộ vào miền Bắc có cường độ yếu hơn bão đổ bộ vào miền Nam
- C. Bão tập chung nhiều nhất vào các tháng V, VI, VII
- D. Trung bình mỗi năm có 8-10 cơn bão đổ bộ vào bờ biển nước ta

Câu 6: Vùng có hoạt động động đất mạnh nhất của nước ta là :

- A. Tây Bắc.
- B. Đông Bắc.
- C. Nam Bộ.
- D. Cực Nam Trung Bộ.

Câu 7: Vì sao miền Trung lũ quét trễ hơn ở miền Bắc?

- A. mùa mưa muộn.
- B. mưa nhiều.
- C. địa hình hẹp ngang.
- D. mùa mưa sớm.

Câu 8: Đồng bằng sông Hồng bị ngập úng nghiêm trọng nhất ở nước ta là:

- A. mật độ dân số cao nhất nước ta.
- B. địa hình thấp nhất so với các đồng bằng.
- C. lượng mưa lớn nhất nước.
- D. hệ thống đê sông, đê biển bao bọc.

Câu 9: Biện pháp phòng chống bão nào dưới đây không đúng?

- A. Vùng ven biển cần củng cố công trình đê điều
- B. Nếu có bão mạnh, cần khẩn trương sơ tán dân
- C. Các tàu thuyền trên biển tìm cách ra xa bờ
- D. ở đồng bằng phải kết hợp chống úng, lụt; ở vùng núi chống lũ, xói mòn

Câu 10: Ở Nam Bộ :

- A. không có bão.
- B. ít chịu ảnh hưởng của bão.
- C. bão chỉ diễn ra vào các tháng đầu năm
- D. bão chỉ diễn ra vào đầu mùa mưa.

Câu 11: Khu vực từ Quảng Trị đến Quảng Ngãi, thời gian có nhiều bão là:

- A. từ tháng 6 đến tháng 10.
- B. từ tháng 8 đến tháng 10.
- C. từ tháng 10 đến tháng 11. 5
- D. từ tháng 10 đến tháng 12.

Câu 12: Thời gian khô hạn kéo dài nhất tập trung ở các tỉnh:

- A. Ninh Thuận và Bình Thuận.
- B. huyện Mường Xén của tỉnh Nghệ An.
- C. Quảng Bình và Quảng Trị.
- D. Sơn La và Lai Châu.

Câu 13: Vùng nào không xảy ra động đất ?

- A. Ven biển Nam Trung Bộ.
- B. Vùng Nam Bộ.
- C. Vùng Đồng bằng sông Hồng.
- D. Bắc Trung Bộ.

Câu 14: Vùng thường xảy ra động đất và có nguy cơ cháy rừng cao vào mùa khô là:

- A. Vùng Tây Bắc.
- B. Vùng Đông Bắc.
- C. Vùng Tây Nguyên.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 15: Biện pháp tốt nhất để hạn chế tác hại do lũ quét là:

- A. bảo vệ tốt rừng đầu nguồn.

- B. xây dựng các hồ chứa nước.
- C. di dân ở những vùng thường xuyên xảy ra lũ quét.
- D. quy hoạch lại các điểm dân cư ở vùng cao.

Câu 16: Vùng có tình trạng khô hạn dữ dội và kéo dài nhất nước ta là :

- A. Các thung lũng đá vôi ở miền Bắc.
- B. Cực Nam Trung Bộ.
- C. Các cao nguyên ở phía nam Tây Nguyên.
- D. Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 17: Biện pháp tốt nhất để hạn chế thiệt hại cho tính mạng người dân khi có bão lớn:

- A. sơ tán dân đến nơi an toàn.
- B. củng cố công trình đê biển, bảo vệ rừng phòng hộ ven biển.
- C. thông báo cho các tàu thuyền trên biển phải tránh xa vùng tâm bão.
- D. có biện pháp phòng chống lũ ở đầu nguồn các con sông lớn.

Câu 18: Vào các tháng 10 – 12, lũ quét thường xảy ra ở các tỉnh thuộc

- A. thượng nguồn sông Đà (Sơn La, Lai Châu).
- B. lưu vực sông Thao (Lào Cai, Yên Bái)
- C. lưu vực sông Cầu (Bắc Cạn, Thái Nguyên)
- D. suốt dải miền Trung

Câu 19: Thiên tai nào không phải là hệ quả của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với lượng mưa lớn tập trung vào mùa mưa ở nước ta?

- A. Động đất.
- B. Ngập lụt
- C. Lũ quét.
- D. Hạn hán

Câu 20: Đây là hiện tượng thường đi liền với bão :

- A. Sóng thần.
- B. Động đất.
- C. Lũ lụt.
- D. Ngập úng.

ĐÁP ÁN

1C	2B	3D	4B	5A	6A	7A	8D	9C	10B
11B	12A	13B	14A	15D	16B	17A	18D	19A	20C